

Số: 1266/2020/QĐST-HNGĐ

*Thủ Đức, ngày 11 tháng 12 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1207/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:* Chị Lê Thị Th, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Số 1137/4A Tỉnh lộ 43, phường B, quận T, Thành phố H.

Và: Anh Lê Trọng H, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H cùng xác nhận anh, chị có hai con chung tên Lê Ngọc A (nữ), sinh ngày 05/10/2014 và Lê Thị Ánh Ng (nữ), sinh ngày 23/12/2016. Hai bên thống nhất giao con chung tên Lê Thị Ánh Ng cho chị Lê Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung tên Lê Ngọc A cho anh Lê Trọng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H cùng xác nhận không có.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H cùng xác nhận không có
- Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H phải chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H thuận tình ly hôn “theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 Quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04 tháng 11 năm 2013 cho chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H.

Về con chung: Chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H cùng xác nhận anh, chị có hai con chung tên Lê Ngọc A (nữ), sinh ngày 05/10/2014 và Lê Thị Ánh Ng (nữ), sinh ngày 23/12/2016. Hai bên thống nhất giao con chung tên Lê Thị Ánh Ng cho chị Lê Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung tên Lê Ngọc A cho anh Lê Trọng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết cha, mẹ hoặc cơ quan tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H cùng xác nhận không có.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H cùng xác nhận không có.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H có nghĩa vụ nộp, nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Lê Thị Th và anh Lê Trọng H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/0058258 ngày 23 tháng 11 năm 2020 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hoà**